

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 641/2018/DS - PT

Ngày: 29/6/2018

V/v “Tranh chấp yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ trả tiền”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Liên

Bà Phan Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Công Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Tào
Minh Quân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
100/2018/TLPT-DS ngày 02/3/2018 về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018
của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1898/2018/QĐ-PT
ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Đình T, sinh năm: 1939; địa chỉ: 57 đường TN,
phường TN, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; có mặt;

Bị đơn: Công ty TNHH CS; địa chỉ: 293 đường PVB, Phường ML, quận
TB, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông P, chức vụ:
Tổng Giám đốc; địa chỉ: A, Pháp; chỗ ở hiện tại: B đường NHC, Phường HH,
quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Báo T; địa chỉ: 60A đường HVT,
Phường C, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện hợp pháp: Ông
Bùi Lê Thanh Đ, sinh năm 1976, là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền
số 04/GU-BTT ngày 11/5/2018), có đơn xin vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Trần Đình T, là nguyên đơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa, nguyên đơn - ông Trần Đình T trình bày: Năm 2015, ông có tham gia chương trình khuyến mãi của Công ty TNHH CS (viết tắt là Công ty C) được đăng tin trên báo TTC. Sau khi xem xét thể lệ cuộc thi, ông có điền đầy đủ thông tin đăng ký tham gia cùng các biểu mẫu cũng như yêu cầu xác nhận của công ty và đã trúng thưởng theo chương trình khuyến mãi của công ty. Cụ thể, ông đã trúng những giải thưởng sau:

Giải thưởng chung cuộc 1.000.000.000 đồng của chiến dịch Chiến thắng cùng Best Products Q4/2015 (Công ty xác nhận bằng bản tin của ban giám đốc Best Products ngày 15/01/2016 công bố ông Trần Đình T, mã khách hàng 169274 ở 67 TQT, Phường S, Tp.VT, Vũng Tàu là người chiến thắng, bản tin này được thông báo rộng rãi trong nước);

Siêu giải thưởng 150.000.000 đồng (theo như thông báo quan trọng được công ty phát hành tại Thành phố Hồ Chí Minh và có gửi cho ông);

Một chiếc xe Chevrolet Spark Van hoàn toàn mới trị giá 300.000.000 đồng (theo thẻ cào hoặc trúng một chiếc xe máy Honda hoặc một chiếc ô tô Chevrolet, ông đã cào trúng chiếc xe ô tô Chevrolet);

Tổng giá trị giải thưởng là 1.450.000.000 đồng.

Tuy nhiên, ông xác định trong vụ án này ông chỉ khởi kiện yêu cầu Công ty C thực hiện nghĩa vụ trả thưởng, thanh toán siêu giải thưởng cho ông số tiền 150.000.000 đồng (theo như thông báo quan trọng được công ty phát hành tại Thành phố Hồ Chí Minh và có gửi cho ông). Ông yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn - Công ty TNHH CS có bà Đoàn Thị LA là đại diện theo ủy quyền trình bày: Phía bị đơn xác nhận nguyên đơn có tham gia chương trình khuyến mãi “Chiến thắng cùng Bestproducts Quý 4-2015” (diễn ra từ ngày 05/10/2015 đến 28/12/2015) và “Chiến thắng cùng Bestproducts Q1-2016” (diễn ra từ ngày 05/01/2016 đến 30/3/2016). Quá trình đăng ký tham gia nguyên đơn có đặt hàng mua các sản phẩm của bị đơn nhưng theo thể lệ chương trình khuyến mãi mà bị đơn đã đăng ký với các cơ quan có thẩm quyền thì nguyên đơn không đủ điều kiện để trúng thưởng.

Việc bị đơn gửi các bộ thông tin khuyến mãi nhằm thông tin đến khách hàng quá trình tổ chức chương trình khuyến mãi và kích thích khách hàng đặt hàng, đáp ứng các tiêu chí của chương trình để trở thành người thắng giải. Việc khách hàng Trần Đình T khởi kiện bị đơn là do hiểu không đúng về chương trình khuyến mãi đưa ra.

Bị đơn đã nhiệt tình kịp thời trả lời những thắc mắc của nguyên đơn, giải thích thể lệ, tiêu chí giải thưởng ít nhất là 3 lần qua email. Sau mỗi lần được giải thích, nguyên đơn đều tiếp tục đặt hàng mặc nhiên nguyên đơn đã hiểu thể lệ chương trình. Tuy nhiên sau mỗi lần đặt hàng nguyên đơn lại tiếp tục yêu cầu trả thưởng. Bị đơn rất khó xử và buộc phải đưa biện pháp từ chối cung cấp dịch vụ và hoàn trả tiền lại cho khách hàng. Bị đơn cam kết đã thực hiện đúng quy định

của pháp luật về khuyến mãi và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu mà nguyên đơn đưa ra.

Phía bị đơn đồng ý hỗ trợ cho nguyên đơn một khoản tiền 10.000.000 đồng bao gồm tiền hàng mà nguyên đơn đã thanh toán để mua hàng và chi phí đi lại cho nguyên đơn, đồng thời, không yêu cầu nguyên đơn hoàn trả lại hàng đã mua.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Báo TT có ông Bùi Lê Thanh Đ là đại diện theo ủy quyền trình bày: Báo TT khẳng định việc tiếp nhận quảng cáo với mẫu đăng tin quảng cáo của Công ty TNHH CS là đúng quy định theo luật quảng cáo. Trong vụ án này Báo TT không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ông Đ có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 10/01/2018, Tòa án nhân dân quận TB quyết định:

Áp dụng Điều 570 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 88, Điều 92 Luật Thương mại;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điểm b, c khoản 2 Phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Pháp lệnh số 09/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009).

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – ông Trần Đình T về việc yêu cầu Công ty TNHH CS trả số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

2. Về án phí: Ông Trần Đình T phải chịu án phí là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm ngàn) đồng. Cấn trừ số tiền tạm ứng án phí 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng ông Trần Đình T đã nộp theo biên lai thu số 1854 ngày 17/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Trần Đình T phải nộp thêm 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự và quy định về thi hành án.

Ngày 17/01/2018, ông Trần Đình T nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 10/01/2018 của Tòa án nhân dân quận TB với lý do bản án sơ thẩm xét xử không đúng pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Nguyên đơn – ông Trần Đình T không rút yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo. Nguyên đơn không cung cấp thêm chứng cứ nào khác so với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại Tòa cấp sơ thẩm. Nguyên đơn căn cứ vào Thông báo quan trọng của Phòng tài chính Công ty TNHH CS (BL 317) và các tờ hướng dẫn tham gia chương trình, thẻ cào trúng thưởng (BL 315, BL 316) và hóa đơn mua hàng trên 1.000.000 đồng cho rằng nguyên đơn đã trúng thưởng 150.000.000 đồng. Sau khi cào thẻ cào 3 lần cùng số tiền và gửi hóa đơn mua hàng trên 1.000.000 đồng cho công ty, công ty đã gửi thông báo quan trọng kèm hóa đơn 150.000.000 với nội dung nguyên đơn đã trúng thưởng. Nguyên đơn không đọc thẻ lệ chương trình ở mặt sau phong bì vì không thấy và không biết. Hóa đơn phía dưới thông báo chính là hóa đơn có giá trị thanh toán do nguyên đơn đã trúng giải thưởng. Dòng chữ hóa đơn không có giá trị thanh toán vì đó là bản sao, bản chính công ty đang giữ. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu công ty thanh toán tiền thưởng nhưng công ty không thực hiện. Nguyên đơn có sử dụng Email: T@yahoo.com và có gửi Email cho công ty yêu cầu thanh toán giải thưởng, còn việc công ty có gửi email cho nguyên đơn các ngày 23/12/2015, 31/3/2015 và 05/01/2016 hay không thì không nhớ và cũng không quan tâm. Việc công ty gửi email giải thích lòng vòng là nhằm trốn tránh nghĩa vụ thanh toán giải thưởng cho nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm vì nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Trần Đình T trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án được mở vào lúc 8 giờ ngày 16/6/2018 và ngày 29/6/2018. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Báo T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. Bị đơn - Công ty TNHH CS đã được triệu tập hai lần tham gia phiên tòa xét xử phúc thẩm vào lúc 8 giờ 00 phút các ngày 16/5/2018 và ngày 29/5/2018 nhưng bị đơn

vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về kháng cáo của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền 150.000.000 đồng do nguyên đơn đã trúng thưởng khi tham gia chương trình khuyến mãi mua hàng của bị đơn.

Theo nguyên đơn trình bày thì nguyên đơn đã tham gia chương trình khuyến mãi 150.000.000 đồng của bị đơn trên báo TTC theo hình thức mua hàng trúng thưởng. Cụ thể: Nguyên đơn dựa vào hướng dẫn trên tài liệu do bị đơn cung cấp, nguyên đơn đã mua hàng trị giá trên 1.000.000 đồng và đã cào trúng được ba lần số tiền 150.000.000 đồng trên thẻ cào. Nguyên đơn đã điền vào Đơn đăng ký tham gia chương trình, gửi phiếu đăng ký kèm hóa đơn mua hàng trị giá trên 1.000.000 đồng cho công ty. Sau đó nguyên đơn nhận được thông báo quan trọng của công ty có nội dung xác nhận nguyên đơn đã trúng siêu giải thưởng 150.000.000 đồng.

Xét các tài liệu quảng cáo hướng dẫn tham gia chương trình do nguyên đơn cung cấp (BL 315) thể hiện nội dung: Hướng dẫn cách tham dự siêu giải thưởng trị giá 150.000.000 đồng, cụ thể: Cào 6 lớp nhũ bảo vệ nếu tìm thấy cùng một số tiền đến 3 lần thì điền thông tin cá nhân vào đơn đăng ký tham gia và gửi kèm hóa đơn mua hàng trên 1.000.000 đồng cho công ty. Ngoài ra, tài liệu còn có dòng chữ “xem thể lệ chương trình ở mặt trong phong bì” (chữ nhỏ ghi mép bên phải của tài liệu). Như vậy, nội dung tài liệu chỉ để hướng dẫn cách tham gia chương trình kèm thể lệ chương trình ghi trong phong bì.

Xét Thông báo quan trọng (kèm hóa đơn 150.000.000 đồng phía dưới) (BL 316), chủ đề Siêu giải thưởng 150.000.000 đồng: Nội dung thông báo không xác nhận nguyên đơn trúng thưởng mà chỉ thể hiện “Đem đến một cơ hội nâng cấp quỹ thưởng của bạn lên với siêu giải thưởng 150.000.000 đồng-sẽ sớm được trao cho người thắng giải”. Ngoài ra ở phía dưới thông báo có nội dung “Để đăng ký cơ hội này, bạn hãy gửi các tài liệu cần thiết cùng đơn hàng từ 1.000.000 đồng trở lên và biên lai thanh toán về cho Best Products sớm nhất có thể. Vui lòng cắt tấm séc bên dưới và giữ kỹ cho đến khi người thắng giải được công bố! là người tiến vào vòng cuối cùng bạn không chỉ có khả năng chiến thắng siêu giả thưởng 150.000.000 đồng mà còn có thể trở thành chủ nhân của giải thưởng lớn 1.000.000 đồng”. Như vậy, các từ trong thông báo “Đem đến một cơ hội”, “ Cho đến khi người thắng giải được công bố” hay “có khả năng chiến thắng” chỉ là thông báo khả năng nguyên đơn có thể là người thắng giải chứ không xác nhận nguyên đơn là người đã thắng giải thưởng. Nội dung thông báo chỉ là hướng dẫn thủ tục và khuyến khích khách hàng mua nhiều hàng để có cơ hội trúng giải thưởng của chương trình siêu giải thưởng nêu trên. Mặt khác, mẫu tấm séc siêu giải thưởng 150.000.000 đồng cho người nhận là nguyên đơn được hướng dẫn “cắt ra và giữ kỹ cho đến khi tên người thắng giải được công bố” cũng có dòng chữ “Mẫu không có giá trị thanh toán”.

Để tổ chức chương trình siêu khuyến mãi nêu trên, bị đơn đã thực hiện thủ tục đăng ký chương trình khuyến mãi với Cục xúc tiến thương mại Bộ Công thương kèm theo thể lệ chương trình khuyến mãi theo đúng quy định tại khoản 6 Điều 92 Luật Thương mại. Tại mục 9.1 của thể lệ chương trình khuyến mãi thể hiện: Chiến thắng cùng Best Products Q4 (đã được bị đơn đăng ký với Cục xúc tiến thương mại Bộ công thương) về điều kiện tham gia chương trình khuyến mãi có ghi: “....Đối với hình thức 2 (giải thưởng quy định tại mục 8.2 của thể lệ này): Các giải thưởng được trao cho khách hàng có doanh số cao nhất và cao thứ hai trong thời gian khuyến mãi. Lưu ý: Giá trị tối thiểu của 01 đơn hàng để được xét cho siêu giải thưởng (giải thưởng dành cho người có doanh số cao thứ hai) là 1.000.000 đồng/đơn hàng”. Như vậy, theo quy định này thì điều kiện để nguyên đơn đạt được giải thưởng 150.000.000 đồng của chương trình khuyến mãi siêu giải thưởng thì nguyên đơn phải có các đơn hàng có giá trị tối thiểu là 1.000.000 đồng và tổng doanh số mua hàng phải xếp thứ hai trong số các khách hàng tham gia chương trình. Đối chiếu với danh sách các khách hàng đã tham gia mua hàng tại công ty trong thời gian khuyến mãi thì tổng giá trị đơn hàng mà nguyên đơn đã mua hàng tại công ty là 8.718.000 đồng (có xác nhận của hai bên đương sự). Với số tiền mua hàng này, nguyên đơn không phải là người mua hàng cao thứ hai trong danh sách những người tham gia chương trình.

Nguyên đơn xác định không đọc và không biết dòng chữ “Xem hướng dẫn thể lệ ở mặt trong phong bì” nằm ở bên mép phải tờ thông báo, phong bì nguyên đơn đã vứt bỏ vì cho rằng không quan trọng. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thừa nhận địa chỉ Email: T@yahoo.com là của nguyên đơn, nguyên đơn có sử dụng email này để yêu cầu bị đơn thanh toán giải thưởng. Căn cứ vào nội dung trao đổi giữa các bên thì phía bị đơn đã gửi Email cho nguyên đơn giải thích về thể lệ chương trình khuyến mãi và điều kiện trúng thưởng cho nguyên đơn vào các ngày 23/12/2015, 31/12/2015 và ngày 05/01/2016. Do đó việc bị đơn cho rằng không biết về thể lệ chương trình khuyến mãi là không có cơ sở.

Thông báo về chương trình khuyến mãi mà bị đơn đã gửi cho các khách hàng có nội dung không rõ ràng. Dòng chữ hướng dẫn xem thể lệ chương trình quá nhỏ và đặt ở vị trí rất khó nhìn thấy, đồng thời nội dung thể lệ chương trình ghi mặt trong phong bì cỡ chữ cũng rất nhỏ, đối với một người đã lớn tuổi như khách hàng Trần Đình T thì rất khó nhìn thấy, khó đọc và việc này đã khiến cho nguyên đơn nhầm tưởng mình là người trúng giải thưởng. Tuy nhiên do nguyên đơn không yêu cầu bồi thường về việc gây nhầm lẫn của bị đơn nên Tòa cấp sơ thẩm không xem xét về vấn đề bồi thường là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả 150.000.000 đồng cho bị đơn là đúng pháp luật. Do đó Tòa cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn - ông Trần Đình T là người cao tuổi (79 tuổi) nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29, Điều 47, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xét đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 88, Điều 92 Luật thương mại;

Áp dụng Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29, Điều 47, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – ông Trần Đình T về việc yêu cầu Công ty TNHH CS trả số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí :

- Ông Trần Đình T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Trần Đình T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AC/2014/0001854 ngày 17/02/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn trả lại cho ông Trần Đình T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0007638 ngày 23/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận TB;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thoa